

Số: 015/2017/BCSX-PKF.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN PHÁT HƯNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 50 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Vạn Phát Hưng đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ được phát hành ngày 15 tháng 08 năm 2016 và Báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành ngày 16 tháng 03 năm 2017.

**Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam**



---

**Trương Quang Trung**

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1752-2015-242-1





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017<br>đến 30/06/2017<br>(VND) | Từ 01/01/2016<br>đến 30/06/2016<br>(VND) |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 6.1         | 567.531.124.134                          | 144.358.838.925                          |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                                        | -                                        |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 567.531.124.134                          | 144.358.838.925                          |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 6.2         | 533.824.540.605                          | 121.006.970.114                          |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 33.706.583.529                           | 23.351.868.811                           |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    |             | 36.616.098                               | 336.540.115                              |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | 6.3         | 8.056.478.912                            | 3.378.558.941                            |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 8.056.478.912                            | 3.378.558.941                            |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | 6.4         | 1.006.962.673                            | 371.800.805                              |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 6.5         | 15.676.338.275                           | 14.274.824.007                           |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 9.003.419.767                            | 5.663.225.173                            |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | 6.6         | 2.534.674.707                            | 55.090.710.030                           |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    |             | 40.570.049                               | 36.816.135.986                           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 2.494.104.658                            | 18.274.574.044                           |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 11.497.524.425                           | 23.937.799.217                           |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | 5.17        | -                                        | 5.258.950.586                            |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | 4.507.565.455                            | -                                        |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 6.989.958.970                            | 18.678.848.631                           |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | 6.8         | 129                                      | 412                                      |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | 6.9         | 91                                       | 412                                      |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017

  
Lê Thị Kim Luyến  
Người lập biểu

  
Lê Thị Hồng Phượng  
Kế toán trưởng

  
Trương Thành Nhân  
Tổng Giám đốc

